

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 603/2018/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

- Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1971.

ĐKTT: Phường T, quận T, Thành phố H.

Chỗ ở: Phường B, quận B, Thành phố H.

- Bà Trần Tú B, sinh năm 1975.

Chỗ ở: ấp B, xã V, huyện C, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Chí N và bà Trần Tú B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Chí N và bà Trần Tú B thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông N, bà B chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2009, ngày 24/02/2009 do UBND Phường T, quận T, Thành phố H cấp cho ông N, bà B không còn giá trị.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 13/01/2010 và cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 18/10/2012 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/trẻ, tức mỗi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

+ Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thể xin thay

đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Tú B, nếu ông Nguyễn Chí N không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Hai bên khai không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Chí N và bà Trần Tú B mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí do ông N, bà B đã nộp theo biên lai thu số 0011251 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Ông N, bà B đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận T;
- UBND Phường T, quận T, Thành phố H.;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh H